

Số: 3973 /KH-UBND

Quảng Nam, ngày 16 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Để triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (viết tắt là Kế hoạch số 314-KH/TU); UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, định hướng, nội dung, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Quảng Nam trong giai đoạn mới; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các Sở, Ban, ngành trong tỉnh trong tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét, giải quyết kịp thời, đồng bộ các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường của tỉnh trong thời gian đến.

Yêu cầu phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu, theo chức năng, nhiệm vụ, từng cơ quan, đơn vị, địa phương; từ đó, chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp, chuẩn bị nguồn lực để tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra tại Kế hoạch 314-KH/TU, Cụ thể:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 3,5%/năm; tỷ trọng chăn nuôi đạt trên 40% trong tổng cơ cấu ngành nông nghiệp; nâng độ che phủ rừng đạt trên 61%.

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm còn dưới 34% vào năm 2025.

- Đến 2025, nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 97%; tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường lên 95%.

- Phát triển giao thông nông thôn, bê tông hóa đạt trên 80%, đường huyện có nhựa, bê tông hóa đạt trên 90%; phát triển kiên cố hóa kênh mương loại III đạt trên 70%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 tăng ít nhất 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ giảm nghèo bình quân 2-2,5%/năm; riêng các huyện nghèo giảm bình quân 3,5 - 4%/năm. Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

- Đến 2025, có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có ít nhất 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% thôn thuộc Đề án hỗ trợ thôn của các xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn thôn nông thôn mới và ít nhất 50% số thôn ở các xã ngoài phạm vi Đề án thôn khó khăn đạt chuẩn thôn nông thôn mới; có ít nhất 40% thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 09 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; trong đó, phấn đấu có ít nhất từ 01 - 02 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các Sở, ngành, các địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Khẳng định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện tốt các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Các Sở, Ban, ngành, chính quyền các cấp tăng cường, kịp thời thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, chú trọng tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, cụ thể hơn nữa nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (viết tắt là Kết luận số 54-KL/TW); Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (viết tắt là Kết luận số 70-KL/TW); Quyết định 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW; Kết luận số 24-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 Khóa XXI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/9/2011; Kế hoạch số 314- KH/TU...

- Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hình thức tuyên truyền phù hợp với các đối tượng. Đẩy mạnh triển khai các phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

2. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn

2.1. Đối với các nội dung liên quan về đất đai và môi trường ở nông thôn

- Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các Sở, ngành trong triển khai thực hiện tốt các chính sách pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường ở nông thôn. Tổ chức xây dựng nội dung, nhiệm vụ nhằm thể chế hóa các quan điểm về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai; xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản... theo tinh thần Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 270-KH/TU ngày 18/10/2019 và Kế hoạch số 314-KH/TU của Tỉnh ủy. Chú trọng xây dựng các cơ chế, chính sách về tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất các loại cây con khác hoặc sang đất công nghiệp, dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao hơn theo đúng luật định và đảm bảo nguyên tắc đầu giá quyền sử dụng đất, đầu thầu dự án có sử dụng đất công khai, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân, quyền lợi của Nhà nước và của nhà đầu tư, hạn chế xảy ra khiếu kiện về đất đai; có biện pháp quản lý tốt đất quy hoạch rừng phòng hộ; kịp thời phát hiện, xử lý kiên quyết, triệt để các vi phạm về đất đai; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, bức xúc của người dân nông thôn về đất đai, không để tạo thành “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ được đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy và Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 29/10/2019 của Tỉnh ủy Quảng Nam về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh về cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030; Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 về phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện phong trào "Chống rác thải nhựa"; chú trọng xử lý triệt để các tồn tại về rác thải, chất thải trong sinh hoạt.

2.2. Kịp thời rà soát, hoàn thiện, ban hành mới các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Các Sở, ngành khẩn trương rà soát, tham mưu UBND tỉnh về các nội dung điều chỉnh, bổ sung, tích hợp, ban hành mới các cơ chế, chính sách liên quan đối

với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trong đó, chú ý các chính sách hết hiệu lực vào cuối năm 2020, các chính sách chồng chéo, hiệu lực, hiệu quả chưa cao, chưa đi vào cuộc sống. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành, có tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất, văn hóa - xã hội và môi trường của người dân vùng nông thôn.

Chú trọng, tập trung một số cơ chế, chính sách như:

- Các chính sách đối với lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản: Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, ưu tiên hỗ trợ Hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp; chương trình “Mỗi xã, một sản phẩm” (OCOP); phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thủy sản, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; phát triển chăn nuôi an toàn theo hướng hàng hóa; phát triển sản xuất, khai thác, nuôi trồng thủy sản bền vững, ưu tiên khai thác, đánh bắt thủy hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển đảm bảo đúng theo quy định quốc tế; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; trồng, chế biến dược liệu; phát triển lâm nghiệp bền vững (trồng rừng gỗ lớn, trồng cây lấy gỗ làm nhà cho người dân các huyện miền núi, phát triển dược liệu), thực hiện tốt công tác giao đất rừng, giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho hộ gia đình; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ...

- Các chính sách quản lý và bảo vệ môi trường: Ban hành quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường; xây dựng Đề án phân loại rác thải tại nguồn giai đoạn 2020-2030; xây dựng Bộ tiêu chí thu hút các nhà đầu tư xây dựng các Khu xử lý chất thải tập trung.

- Các chính sách đầu tư phát triển sản phẩm nông nghiệp gắn với du lịch ở địa bàn nông thôn như du lịch văn hóa - di sản; du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch sinh thái gắn với sông hồ,...; các chính sách về lao động và việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ tín dụng, xuất khẩu lao động nông thôn; các chính sách hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn, nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số.

- Chú trọng các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ ở các ngành có sử dụng nhiều lao động nông thôn, thân thiện môi trường.

3. Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình NTM) gắn với đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện trong giai đoạn mới

- Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 24/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (Chỉ thị số 41-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số

7809/KH-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 24/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tổ chức thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 một cách toàn diện, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn; cải thiện trực tiếp điều kiện sống, tạo môi trường, không gian sống sáng - xanh - sạch - đẹp gắn với bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 theo hướng xác định rõ mục tiêu, rõ việc và gắn sát với điều kiện thực tiễn của từng vùng, địa phương, phù hợp khả năng nguồn lực, huy động sự tham gia tự nguyện và tích cực của người dân, doanh nghiệp; tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, vận động; kiện toàn bộ máy ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu quả; ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức bố trí vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình NTM; điều chỉnh, bổ sung những bất cập về quy hoạch NTM; trong đó, chú trọng quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới đi vào thực chất, khách quan; ban hành cơ chế đặc thù xây dựng Chương trình NTM đối với các huyện miền núi.

- Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo chuẩn của nông thôn mới.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro thiên tai, chủ động đối phó trong mọi tình huống, đặc biệt là ngập lụt, bão lũ, hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn. Ưu tiên bố trí, lồng ghép, vận động tài trợ các nguồn vốn để đầu tư các hạng mục thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục ở khu vực nông thôn, chú ý quản lý, sử dụng, khai thác có hiệu quả các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội đã được đầu tư.

+ Tiếp tục ban hành các cơ chế, chính sách về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ ở nông thôn, trong đó chú trọng các hạ tầng về: Giao thông nông thôn, giao thông nội đồng; kênh mương và các công trình thủy lợi; nâng cấp, sửa chữa hệ thống các trường học ở nông thôn, nhất là ở miền núi; điện sinh hoạt, điện sản xuất; hạ tầng cấp thoát nước, nước sạch nông thôn; hạ tầng thông tin và truyền thông ở khu vực nông thôn...

+ Đa dạng hóa nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn. Khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công.

- Triển khai thực hiện một giải pháp xây dựng nông thôn mới phù hợp trong giai đoạn mới. Trong đó:

+ Chủ động xây dựng khung kế hoạch, lộ trình và cân đối nguồn lực, tập trung chỉ đạo, tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí, làm tiền đề phấn đấu đạt chuẩn NTM đối với nhóm xã phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; khuyến khích các xã có điều kiện tập trung, nỗ lực xây dựng đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu; chú trọng các nội dung, tiêu chí gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tạo hình mẫu thật sự thuyết phục như: Kiểu mẫu trong cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn; kiểu mẫu trong việc thực hiện tiêu chí y tế - văn hóa - giáo dục; kiểu mẫu trong thực hiện tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo...; đầu tư các công trình bức thiết phục vụ đời sống nhân dân, ưu tiên tập trung đầu tư các công trình ở cấp thôn theo tiêu chí thôn NTM, nhân rộng các mô hình khu dân cư NTM kiểu mẫu...

+ Đối với huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM; thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Tiếp tục rà soát, phân loại nhóm xã, xây dựng kế hoạch đạt chuẩn theo lộ trình đề ra; quan tâm các xã khó khăn, số tiêu chí đạt chuẩn còn thấp. Huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa, nguồn từ ngân sách cấp huyện để hoàn thiện các tiêu chí NTM cấp huyện.

+ Tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó, chú trọng xây dựng nông thôn mới ở phạm vi thôn, bản.

4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, tích hợp, các quy hoạch ngành hàng sản xuất, chế biến thuộc các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp tục triển khai thực hiện tốt các quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh); ổn định và sắp xếp dân cư vùng bị uy hiếp thiên tai; các quy hoạch phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên ứng dụng giống mới, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, bảo quản nông, lâm sản và thủy sản; sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phát triển hàng hóa nông sản quy mô lớn, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với bảo quản, chế biến và tiêu thụ trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm, lợi thế vùng, phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp nông nghiệp làm đầu tàu dẫn dắt, phát triển nông sản giá trị cao, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để góp phần tăng năng suất, chất lượng nông sản nhất là các mặt hàng chủ lực, thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng nâng cao tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi, áp dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa nông sản. Triển khai xây dựng Đề án/Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030:

+ *Đối với lĩnh vực nông nghiệp*: Tăng cường nhân rộng các mô hình tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa; việc tích tụ, tập trung đất đai theo hướng người nông dân cho thuê hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hình thành các vùng sản xuất lớn, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; nghiên cứu, chuyên đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất các loại cây con khác phù hợp, tăng mạnh diện tích ngô, lạc, các loại đậu, rau các loại ... để hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, tạo thuận lợi phát triển chế biến nông sản; phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, quy mô công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu chế biến, bảo quản.

+ *Đối với lĩnh vực thủy sản*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về khai thác, nuôi trồng, bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản. Trong đó, thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư, phát triển khai thác, nuôi trồng thủy sản như: Mở rộng khu neo đậu tàu thuyền và kết hợp xây dựng cảng cá Hồng Triều (huyện Duy Xuyên); nâng cấp, xây dựng đê chắn sóng tại khu neo đậu tránh bão cho tàu cá An Hòa; xây cảng cá Tam Quang (Huyện Núi Thành), bến cá Thanh Hà (Thành phố Hội An). Tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản (ven bờ, vùng lộng, vùng biển khơi); tổ chức lại dịch vụ hậu cần nghề cá; tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phát triển nuôi, trồng thủy sản, chú trọng hạ tầng Khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung tại Bình Nam (huyện Thăng Bình); tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, trong đó, chú ý thành lập một số khu bảo tồn biển phù hợp, thực hiện tốt công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản; tăng cường nhân lực, vật lực cho lực lượng thanh tra thủy sản; công tác thú y thủy sản.

+ *Đối với lĩnh vực lâm nghiệp*: Thực hiện tốt các mục tiêu quản lý bảo vệ và phát triển rừng; công tác quy hoạch lâm nghiệp, trồng rừng; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; xúc tiến tham gia chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon rừng và quản lý bền vững tài nguyên rừng; tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nguồn gen đặc hữu một số loại quý hiếm như sâm Ngọc Linh, các loại dược liệu...; khai thác hiệu quả các giá trị từ dịch vụ môi trường rừng, kinh tế dưới tán rừng; thực hiện xã hội hóa nghề rừng, trong đó, ưu tiên thu hút lao động nông thôn miền núi tham gia trồng, bảo vệ, sản xuất chế biến lâm sản; đẩy mạnh liên kết các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm từ rừng; phát triển công nghệ trong sản xuất, chế biến lâm sản; tăng cường công tác cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Tổng kết việc thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; xây dựng, triển khai thực hiện Đề án Chương trình Mỗi xã, một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 theo hướng chú trọng vào chất lượng sản phẩm, gia tăng giá trị, phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, bán sản phẩm OCOP; tiếp tục tập trung chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong Chương trình NTM; có cơ chế hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống, vật tư nông nghiệp, vật tư thủy sản; đẩy mạnh công tác kiểm tra chuyên ngành, công tác xử lý các vi phạm liên quan. Hằng năm, tổ chức các đoàn liên ngành Y tế - Nông nghiệp và PTNT - Công Thương tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi gian lận thương mại làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa nông sản, đặc biệt là tình trạng phân bón giả, thuốc trừ sâu giả, sản phẩm không đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

5. Tiếp tục thực hiện các nội dung về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là về hợp tác xã kiểu mới. Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng thường xuyên.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và pháp luật có liên quan (đất đai, thuế, tín dụng...), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững. Có phương án xử lý dứt điểm việc nợ đọng ở các hợp tác xã, tạo điều kiện để giải thể các hợp tác xã kiểu cũ, yếu kém hoặc chuyển sang hình thức kinh tế khác. Cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách. Chú trọng nâng cao năng lực, trình độ cán bộ hợp tác xã và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Có cơ chế để các hợp tác xã đủ năng lực, điều kiện được tham gia thực hiện một số nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình đầu tư công.

- Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012; tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 2548/KH-UBND ngày 09/5/2019 của UBND tỉnh về Phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông

ng nghiệp, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh, Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh, Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021-2025 (thay thế Nghị Quyết số 124/2014/NQ-HĐND tỉnh và thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể).

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao và chuyển giao tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp

- Đổi mới các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ và ứng dụng khoa học công nghệ trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng các giống mới, đảm bảo đủ giống có chất lượng tốt và giá trị thương mại cao, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của ngành; xây dựng và ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, hiệu quả; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số... trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh về quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025.

7. Đổi mới và nâng cấp chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách về lao động - việc làm, nâng cao hiệu quả đào tạo lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và các quyết định bổ sung, thay thế cho giai đoạn 2021-2025, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, đổi mới đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo hướng phục vụ cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng

nông thôn mới; phục vụ chương trình Mỗi xã, một sản phẩm; đào tạo nghề phục vụ cho doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, Hợp tác xã, đào tạo cho lao động chuẩn bị đi xuất khẩu nước ngoài... Thực hiện tốt Cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh (Các văn bản thay thế); gắn đào tạo với giải quyết việc làm, cơ sở đào tạo với doanh nghiệp sử dụng lao động. Thực hiện tốt các chương trình việc làm gắn với phát triển kinh tế - xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là các ngành, nghề, lĩnh vực có khả năng thu hút nhiều lao động; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn để tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ.

8. Tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; các đề án, dự án hỗ trợ giảm nghèo, các chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế ở nông thôn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đề ra nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2021-2025

Các Sở, ngành, địa phương kịp thời tổ chức đánh giá, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh. Tập trung triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc Hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các đề án, dự án giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn... đã được triển khai trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Qua tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp, xây dựng chương trình, kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực đầu tư, hỗ trợ để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội khác ở nông thôn trong giai đoạn 2021-2025, nhất là ở khu vực miền núi, vùng có người đồng bào dân tộc thiểu số.

9. Tổ chức xây dựng, cụ thể hóa các kịch bản ứng phó tác động của biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là người dân vùng nông thôn về tác động, thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học, nhất là các phương thức, chế độ canh tác tiên tiến, phù hợp và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng biến đổi khí hậu.

- Các Sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên đất, khoáng sản, tài nguyên rừng; kịp thời khảo sát, xây dựng, hoàn chỉnh, bổ sung kế hoạch, cụ thể hóa các kịch bản ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu. Tăng cường nguồn lực đầu tư, hỗ trợ xây dựng hệ thống, thiết bị giám sát, cảnh báo sớm thiên tai; xây dựng bản đồ thiên tai ứng với cấp độ rủi ro và loại hình thiên tai; chú trọng đầu tư các công trình phòng chống sạt lở ở các vị trí xung yếu, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ di dời dân ra khỏi khu vực bị thiên tai uy hiếp, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

- Phối hợp chặt chẽ và thống nhất quản lý, điều tiết vận hành các hồ chứa; từng bước nâng cao năng lực phòng tránh, ứng phó biến đổi khí hậu; phối hợp chặt chẽ với các nhà máy thủy điện trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn có kế hoạch điều tiết cấp nước đảm bảo, bổ sung nước cho hạ du trong mùa khô và không gây lũ ở mùa mưa.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác sắp xếp, bố trí dân cư theo Nghị quyết 05/NQ-TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy và Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh, đặc biệt chú ý vùng có nguy cơ cao về thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét đối với miền núi.

10. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Tiếp tục kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, trước hết là các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII của Đảng về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đánh giá hiệu quả hoạt động, cũng như các mặt tồn tại, hạn chế của việc hợp nhất Trạm chăn nuôi và thú y, Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông, khuyến ngư, để hình thành Trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện và chuyển một số chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước ở các đơn vị này về phòng nông nghiệp (hoặc phòng kinh tế) cấp huyện. Đánh giá công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp và PTNT của cấp xã, nhất là công tác tham mưu cho UBND cấp xã chỉ đạo, điều hành trên lĩnh vực này; qua đó, củng cố hoạt động của Ban Nông nghiệp xã, củng cố mạng lưới thú y cơ sở, bảo đảm các điều kiện cơ bản để kịp thời không chế và dập tắt các loại dịch bệnh đối với vật nuôi và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

11. Xây dựng các chương trình, kế hoạch, văn bản để tổ chức thực hiện *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch số 314-KH/TU của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ liên quan về: Định hướng quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản; xây dựng các Chương trình, Đề án, Kế hoạch, chú trọng nội dung, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tham mưu ban hành, điều chỉnh, tích hợp, tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách liên quan trên lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản, các chính sách liên quan về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức chỉ đạo, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới.

- Chủ trì theo dõi, cập nhật tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU, công tác tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc; công tác tổng kết, đánh giá kết quả, hiệu quả triển khai thực hiện các nội dung liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện tích hợp các quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đối với các quy hoạch không thuộc danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của Luật Quy hoạch).

- Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2021-2025, hệ thống chỉ tiêu phát triển ngành đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, tổ chức thực hiện tốt chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các chính sách về phát triển kinh tế tập thể.

- Tham mưu cân đối vốn và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; chú trọng các công trình phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ, bổ sung dự toán kinh phí sự nghiệp Trung ương, tỉnh cho các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể và địa phương để thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án giai đoạn 2021-2025 trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế xã hội miền núi; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu đề xuất tăng cường nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2021-2025; phối hợp rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tích hợp, ban hành mới các cơ chế, chính sách liên quan

nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh và tình hình thực tiễn địa phương.

4. Sở Công Thương

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá, phát triển thị trường nông, lâm sản và thủy sản; tăng cường công tác hỗ trợ kết nối cung cầu; củng cố, phát triển các chợ truyền thống; phát triển các kênh bán buôn, bán lẻ, hệ thống phân phối phù hợp; hỗ trợ liên kết, đưa hàng hóa nông, lâm sản và thủy sản vào hệ thống các siêu thị, trung tâm bán hàng hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập hệ thống kết nối từ chính quyền (tỉnh, huyện, xã) đến các doanh nghiệp, HTX, nông dân trong tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản; có kế hoạch kết nối với thị trường các tỉnh lân cận, trong nước và chú trọng tìm kiếm thị trường xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý, dự báo, thông tin chính xác, kịp thời về thị trường nông sản để hạn chế tình trạng được mùa mất giá; đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, trong đó chú trọng phát triển công nghệ chế biến, bảo quản hàng hóa nông lâm sản và thủy sản.

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường, xúc tiến thương mại hàng hóa nông, lâm sản và thủy sản; hỗ trợ phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến liên quan.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh; trong đó, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đến các cơ sở; cung cấp thông tin, kết nối các cơ sở sản xuất với các nhà khoa học, các viện, trường nghiên cứu, hỗ trợ các cơ sở xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ; chú trọng các dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, dự án đổi mới công nghệ; đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; triển khai, chuyển giao sản phẩm của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt ứng dụng vào thực tiễn.

- Tiếp tục triển khai xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và áp dụng quy chế quản lý quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đã được bảo hộ, hỗ trợ cho hàng hóa nông sản có đủ điều kiện tham gia chuỗi cung ứng tại các hệ thống siêu thị, kênh phân phối lớn, đồng thời tăng sức cạnh tranh hàng hóa nông sản của tỉnh.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Năm 2020, kịp thời tham mưu tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các đề án, dự án giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở

nông thôn... đã được triển khai trên địa bàn tỉnh thời gian qua; thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo, thôn, xã nghèo; đề xuất các giải pháp, xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung, nhiệm vụ, chuẩn bị nguồn lực đầu tư, hỗ trợ để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội khác ở nông thôn trong giai đoạn 2021-2025, nhất là ở khu vực miền núi, vùng có người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách về lao động – việc làm, nâng cao hiệu quả đào tạo lao động nông thôn; thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt các chương trình việc làm gắn với phát triển kinh tế - xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là các ngành, nghề, lĩnh vực có khả năng thu hút nhiều lao động; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn để tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài; chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 51/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 và Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đẩy mạnh công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường; kịp thời tham mưu, xây dựng nội dung, nhiệm vụ thể chế hóa các quan điểm về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa; các giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường; các nội dung, nhiệm vụ liên quan về ứng phó tác động của biến đổi khí hậu.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa nông thôn gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng gia đình văn hoá, thôn - khối phố văn hoá, xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới; phát triển văn hóa nông thôn gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá thể thao từ tỉnh đến cơ sở, trong đó tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án xây dựng Trung tâm

văn hóa xã, phường, thị trấn; lồng ghép vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để đầu tư cơ sở vật chất văn hóa; tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ văn hóa thông tin cấp cơ sở về xây dựng văn hóa nông thôn; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao cơ sở; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển văn hóa, du lịch. Trong đó, chú ý mở rộng không gian du lịch về phía Nam và phía Tây của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 08 - NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn cho khách du lịch; tạo dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, định hướng, cơ chế chính sách, nội dung, nhiệm vụ, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tham mưu kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách về thông tin và truyền thông phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó, chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông phục vụ cải cách hành chính để phục vụ nhân dân.

10. Công an tỉnh

Tổ chức phát động Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc cho người dân nông thôn, chú ý tại các khu vực vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; hướng dẫn xây dựng các mô hình đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực nông thôn, đồng thời tuyên truyền, vận động nông dân trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và tố giác tội phạm; phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng các chính sách để trục lợi.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh Quảng Nam

- Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chỉ đạo các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng - tài chính ưu tiên nguồn vốn cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó, có hỗ trợ cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản); đẩy mạnh các chương trình cho vay qua Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế nghiệp vụ tín dụng, quy trình cho vay nhằm đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn tín dụng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nông nghiệp.

12. Đề nghị UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, Đoàn thể ở tỉnh

Tăng cường công tác quán triệt, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch số 314-KH/TU đến UBMT các cấp, các đoàn thể liên quan; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tăng cường công tác lấy ý kiến nhân dân, công tác phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới; công tác giám sát kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng, có hiệu quả những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp; xây dựng kế hoạch, chuẩn bị, bố trí nguồn lực; phân công nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, phòng ban, cấp xã, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện đạt mục tiêu đề ra đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung các định hướng quy hoạch liên quan để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh, chú ý quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ở cấp huyện, chú trọng phát triển sản phẩm chủ lực địa phương để tham gia chuỗi liên kết, Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

- Chỉ đạo, hướng dẫn người dân sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, phát triển công nghệ chế biến sau thu hoạch; sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thích ứng biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh trên người, trên cây trồng, vật nuôi; xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; công tác kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định, phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại tại các khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch; chuyển đổi các loại vật nuôi phù hợp nhằm tăng hiệu quả kinh tế, phù hợp điều kiện sản xuất từng nơi; triển khai tốt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.

- Tăng cường công tác rà soát những diện tích đất bị bỏ hoang, suy giảm thâm canh để có kế hoạch chỉ đạo tổ chức sản xuất hiệu quả. Ở những địa phương có điều kiện, kịp thời tổ chức nhân rộng các mô hình thí điểm về tích tụ đất đai sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn; trước mắt, thực hiện theo hình thức doanh nghiệp, HTX liên kết hoặc thuê lại quyền sử dụng đất của nông dân để sản xuất, việc thực hiện trên tinh thần đảm bảo hài hòa lợi ích các bên. Chú trọng hơn nữa công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên biển, rừng; công tác bảo vệ

môi trường trong sản xuất, sinh hoạt, tập trung xử lý tốt các vấn đề về rác thải, chất thải ở nông thôn.

- Chủ động, phối hợp với các cấp, các ngành để tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; hỗ trợ xây dựng, phát triển mối liên kết giữa nông dân, các Hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, các nhà phân phối, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản và thủy sản, nhất là các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện, vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của tỉnh, của Trung ương, ưu tiên bố trí nguồn lực để khuyến khích, hỗ trợ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, đề án, các cơ chế, chính sách về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ ở nông thôn, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, lao động và việc làm; tăng cường các hoạt động để thu hút vốn đầu tư xã hội, chú trọng thu hút doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn nông thôn, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, làng nghề để phát triển kinh tế nông thôn.

- Căn cứ vào các nội dung của Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện một cách cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 314-KL/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương có văn bản báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để kịp thời bổ sung, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBMTQ Việt Nam, các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước CN.Quảng Nam;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN (Tâm).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

